

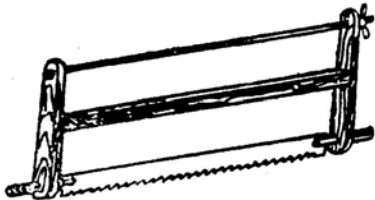
Dụng cụ cầm tay trong xây dựng - Danh mục

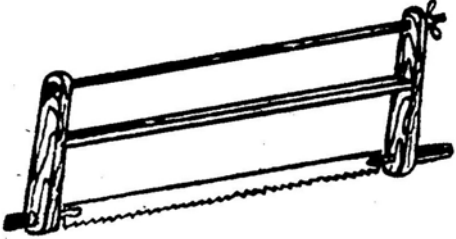
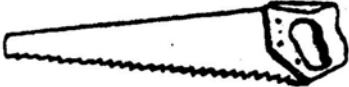
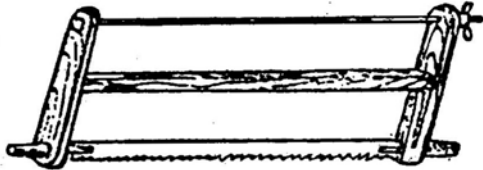
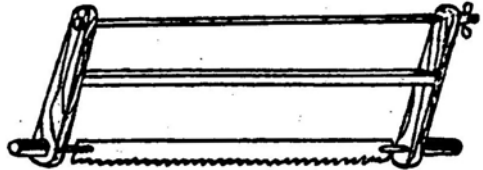
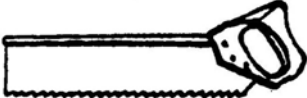
Tools in building - list

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho năm nghề trong ngành xây dựng cơ bản; xây dựng; nề; bê tông; cốt thép; quét vôi, sơn.
2. Danh mục dụng cụ được sắp xếp theo từng nghề. Trong mỗi nghề các dụng cụ được sắp xếp thành nhóm theo công dụng và tính chất làm việc. Những dụng cụ khác nhau về công dụng và tính chất làm việc được sắp xếp vào nhóm riêng.
Đối với hai nghề nề và bê tông vì nhiều dụng cụ có công dụng và tính chất làm việc giống nhau nên được sắp xếp vào một nhóm.
3. Trong tiêu chuẩn này kí hiệu các dụng cụ này được viết thành hai nhóm số và một nhóm chữ ngăn cách nhau bằng dấu gạch ngang:
Nhóm số thứ nhất: kí hiệu của nghề;
Nhóm số thứ hai : kí hiệu của nhóm dụng cụ trong mỗi nghề;
Nhóm chữ: kí hiệu viết tắt tên gọi dụng cụ.
Ví dụ: 01-02-BCL: nghề mộc xây dựng - nhóm bào - bào cong lõm.
Nhóm chữ được viết tắt theo các chữ cái đầu tiên của tên gọi dụng cụ, bằng chữ in hoa.
Ví dụ: Cưa lá - viết tắt là CL.
Bào xê chớp - BXC
Trường hợp hai (hoặc ba) dụng cụ trong một nghề có kí hiệu trùng nhau, kí hiệu dụng cụ đứng sau theo thứ tự của tiêu chuẩn này được ghi thêm chữ cái phụ, viết thương, lấy từ chữ cái cuối cùng của tên gọi dụng cụ.
Ví dụ: cưa lượn - viết tắt là CLn (để phân biệt với cưa lá).
4. Đối với các dụng cụ cơ khí phổ thông (dùng phổ cập cho nhiều ngành), có thể dùng kí hiệu do ngành cơ khí luyện kim quy định nhưng phải có ghi chú kèm theo.


MỘC XÂY DỰNG 01

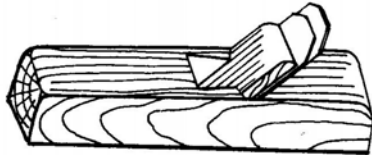


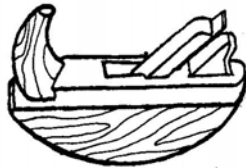
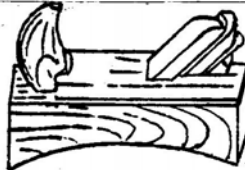




Nhóm cưa 01 - 01









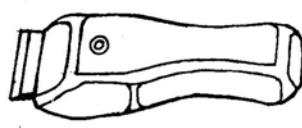
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
1. Cưa rọc	01 - 01 - CR	Để rọc gỗ thanh, gỗ tấm dài	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
2.Cưa ngang	01-01-CN	Để cắt ngang các loại gỗ thanh, gỗ tấm	
3.Cưa lá	01-01-CL	Để cắt ngang các loại gỗ thanh, gỗ tấm khi vướng khung cửa	
4.Cưa lượn	01-01-CLn	Để rọc các đường cong lượn	
5.Cưa mộng	01-01-CM	Để gia công các mộng gỗ	
6.Cưa thép	01-01-CT	Để sửa các mối ghép mộng khi chưa khít	





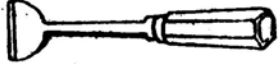
Nhóm bào 01 - 02


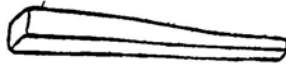
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
7.Bào phá	01-02-BP	Để bào phá các mặt vắn trước khi bào lau hoặc để bào vỡ các chi tiết trước khi dùng bào thâm	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
8. Bào thâm nhỡ	01-02-BTN	Để bào vỡ các chi tiết hẹp, dài trước khi dùng bào thâm	
9. Bào thâm dài	01-02-BTD	Để bào phẳng, nhẵn các mặt chuẩn và các mặt phẳng hẹp, dài	
10. Bào lau	01-02-BL	Để bào nhẵn, bóng các mặt ván, các chi tiết và sản phẩm	
11. Bào cong lồi	01-02-BCL	Để bào các bề mặt cong lồi	
12. Bào cong lõm	01-02-BCLm	Để bào các mặt lõm	
13. Bào ngang	01-02-BN	Để bào lẵn các cạnh tròn và bào các mặt hình cong	
14. Bào xoi rãnh	01-02-BXR	Để xoi các đường rãnh	
15. Bào xoi gân	01-02-BXG	Để bào tạo gân mép ván	
16. Bào xoi cữ điều chỉnh	01-02- BXCĐC	Để xoi các đường rãnh gần cạnh tấm ván	


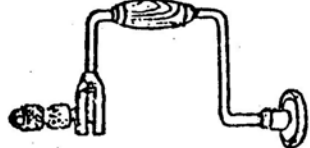


Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
17. Bào xoi gờ	01-02-BXGo	Để bào thanh gờ các đồ kính	
18. Bào xoi bàn mai	01-02-BXBM	Để xoi nhẵn các đường gờ	
19. Bào cắt ngồng chóp	01-02-BCNC	Để bào cắt tạo thanh ngồng chóp hai đầu nan chóp	
20. Bào xê chóp	01-02-BXC	Để bào rãnh nan chóp	
21. Bào lăn tròn	01-02-BLT	Để bào vê tròn các cạnh ở cửa kính, cửa panô	
22. Bào sen nòn	01-02-BSN	Để bào đường sen và đường nòn	
23. Bào xoi đong	01-02-BXĐ	Để xoi rãnh có đáy hình lòng máng	
24. Bào xoi chỉ tròn	01-02-BXCT	Để bào phá các gờ chỉ có tiết diện hình bán nguyệt	
25. Lưỡi nạo	01-02-LN	Để nạo nhẵn phẳng mặt gỗ sau khi bào hoặc sử dụng ở những chỗ không thể dùng bào	

Nhóm đục 01 - 03



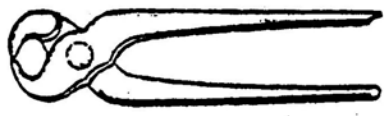
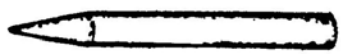

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
26. Đục vuông	01-03-ĐM	Để đục các lỗ mộng	
27. Đục bẹt	01-03-ĐB	Để đục lỗ mộng, bẹt vế mép các cạnh đầu mộng	
28. Đục vũa	01-03-ĐV	Để đục lỗ tròn	
29. Đục chằng cam	01-03-ĐTC	Để bõ mộng gỗ	
30. Đục chằng bướm	01-03-ĐTB	Để chặt gờ, sửa các lỗ mộng	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
31. Đục chày múống	01-03-ĐTM	Để gia công đồ tre	
32. Dùi đục	01-03-DĐ	Để đập, gõ cán đục	



Nhóm khoan 01 - 04


Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
33. Khoan vo	01-04-KV	Để khoan lỗ nhỏ (0,5-2mm)	
34. Khoan bông	01-04-KB	Để khoan lỗ đến 10mm.	
35. Khoan tay	01-04-KT	Để khoan các lỗ sâu, lớn (lớn hơn 10mm).	
36. Khoan mỗi vít	01-04-KMV	Để khoan mỗi lỗ trước khi bắt vít	

Nhóm ghép, tháo 01 - 05

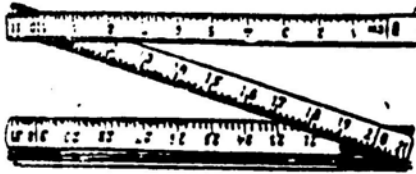
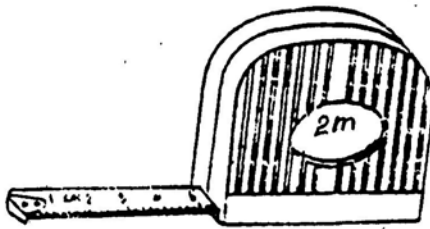

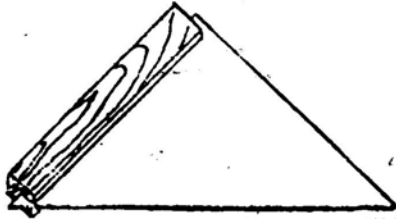
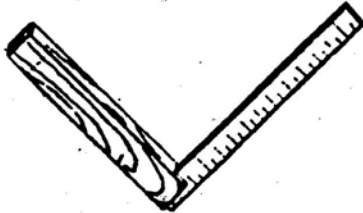

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
37. Búa ba tác dụng	01-05-BBTD	Để đóng, nhổ đinh và chặt đẽo gỗ.	
38. Búa đinh	01-05-BĐ	Để đóng, và nhổ đinh	
39. Kìm đinh	01-05-KĐ	Để nhổ và cắt tán đinh	
40. Đốt đinh	01-05-ĐĐ	Để đóng chìm đinh vào gỗ	
41. Xà beng nhổ đinh	01-05-XBNĐ	Để nhổ đinh và tháo dỡ ván khuôn	

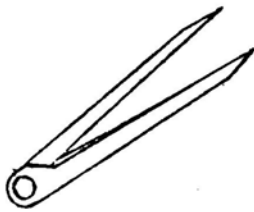

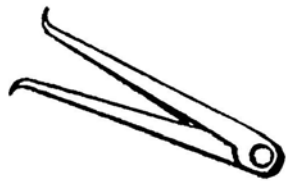
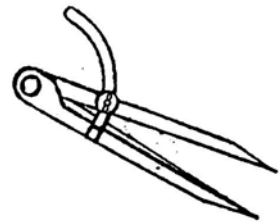
Nhóm dũa sửa 01 - 06

42. Dũa	01-06-D	Để dũa những mặt gỗ hẹp không thể dùng bào hoặc khó bào	
43. Dũa lòng mo	01-06-DLM	Để dũa những chỗ cong hẹp không thể dùng bào hoặc khó bào	

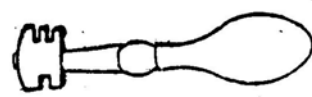
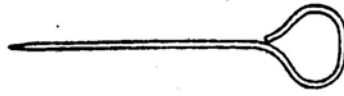
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
44. Dũa tròn	01-06-DT	Để dũa những lỗ tròn, mặt cong không thể dùng bào	

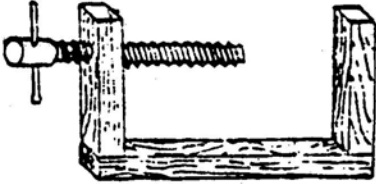
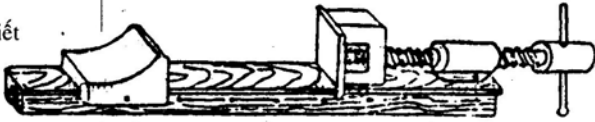
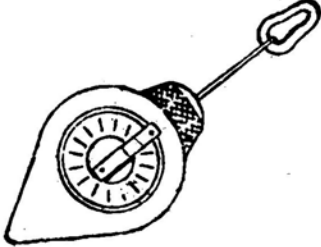
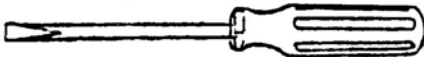
Nhóm đo chuẩn 01 - 07


Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
45. Thước gấp	01-07-TG	Để đo các kích thước ngắn	
46. Thước cuộn	01-07-TC	Để đo các kích thước dài	
47. Thước chéo	01-07-TCh	Để vạch mốc, lấy dấu độ dốc và đo góc	
48. Thước mồi	01-07-TM	Để lấy dấu các chi tiết hợp với nhau một góc 45°	
49. Thước vuông	01-07-TV	Để đo kiểm tra các góc vuông hoặc vạch dấu các chi tiết trước khi lấy mực vuông góc	
50. Thước cữ	01-07-TCu	Để làm cữ vạch những đường thẳng song song với cạnh mép chi tiết	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
51. Compa vạch	01-07-CPV	Để vạch các đường tròn và chia đường tròn thành các cung bằng nhau	
52. Compa đo ngoài	01-07-CPĐN	Để đo các kích thước ngoài của chi tiết	
53. Compa đo trong	01-07-CPĐT	Để đo các kích thước của lỗ	
54. Compa vạch cũ	01-07-CPVC	Để vạch nhiều đường tròn bằng nhau và lấy dấu nhiều lần các phần bằng nhau	

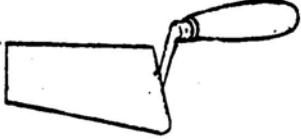
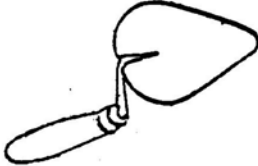
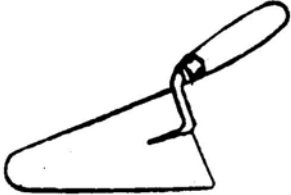

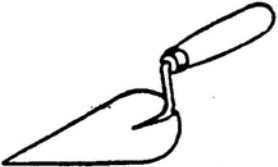
Nhóm dụng cụ khác 01 - 08

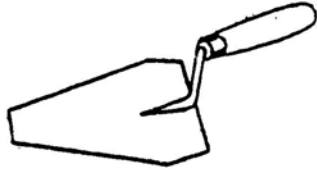


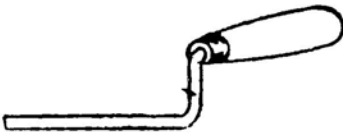
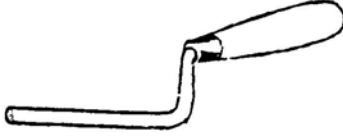
55. Dao cắt kính	01-08-DCK	Để cắt kính	
56. Dùi vạch dấu	01-08-DVD	Để vạch dấu	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
57. Kẹp gỗ	01-08-KG	Để kẹp chặt khi ghép, gia công các chi tiết bé	
58. Vam gỗ	01-08-VG	Để tháo lắp các chi tiết có kích thước lớn	
59. Hộp mực	01-08-HM	Để lấy mực khi xẻ gỗ	
60. Tuốc-nơ vít	01-08-CV	Để vặn vít	

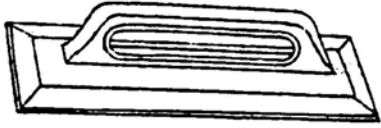

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
61. Dao xây hai lưỡi	02-01-DXHL	Đề xúc, san vữa, gõ chỉnh và chặt đẽo gạch khi xây	

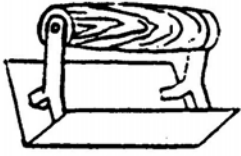
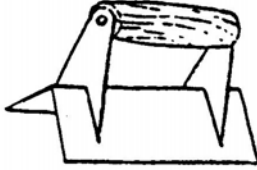


Nhóm bay 02 - 02

62. Bay xây trát thông dụng	02-02-BXTTD	Đề xây hoặc trát vữa những bề mặt rộng	
63. Bay lá đề	02-02-BLĐ	Đề trát vữa những bề mặt rộng, trát góc	
64. Bay trát vẩy	02-02-BTV	Đề trát vữa lên trần, tường nhà bằng phương pháp vẩy.	
65. Bay lá múống	02-02-BLM	Đề trát vữa nơi có diện tích hẹp, đánh màu và láng bề mặt	
66. Bay lá tre	02-02-BLT	Đề đắp, kẻ hoa văn trang trí và trát nơi có diện tích hẹp	

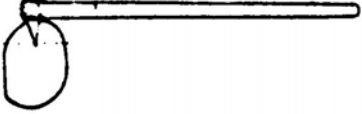

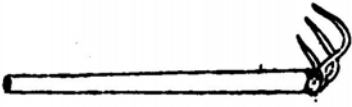
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
67. Bay ốp lát	02-02-BOL	Để ốp lát gạch	
68. Bay đầu nhọn	02-02-BĐN	Để xúc, san vữa bê tông, xọc đầm các cấu kiện nhỏ và mỏng	
69. Bay sửa mạch	02-02-BSM	Để sửa đều các mạch xây ở tường không trát	
70. Bay miết mạch phẳng	02-02-BMMP	Để miết mạch xây có dạng phẳng	
71. Bay miết mạch lõm	02-02-BMML	Để miết mạch xây có dạng lõm	

Nhóm bàn xoa 02 - 03

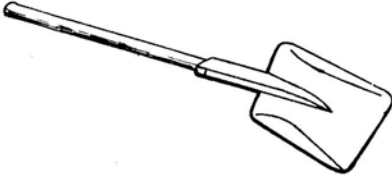
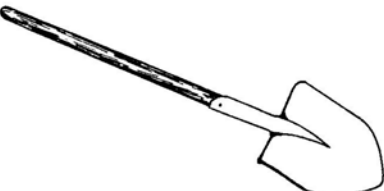
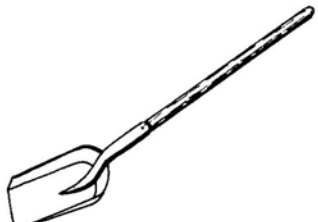
72. Bàn lột vữa	02-03-BLV	Để lột vữa lên tường	
73. Bàn xoa phẳng	02-03-BXP	Để xoa nhẵn bề mặt trát vữa	

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
74. Bàn xoa góc trong	02-03-BXGT	Để xoa thẳng, nhẵn các góc trong của tường	
75. Bàn xoa góc ngoài	02-03-BXGN	Để xoa thẳng, nhẵn các góc ngoài của tường	
76. Bàn xoa tròn lồi	02-03-BXTL	Để xoa các đường chỉ lồi	
77. Bàn xoa thép	02-03-BXT	Để gạt phẳng, xoa nhẵn mặt bê tông, granito.	



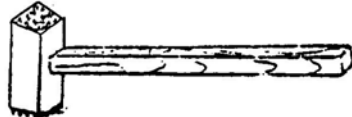

Nhóm cuốc, cào 02 - 04


78. Cuốc trộn vữa	02-04-CTV	Để trộn vữa	
79. Cuốc chim	02-04-CC	Để đào móng gạch cũ, chặt đẽo gạch đá ong và băm nhám mặt bê tông	
80. Cào răng	02-04-CR	Để cào trộn bê tông	

Nhóm xẻng 02 - 05

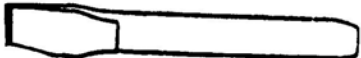
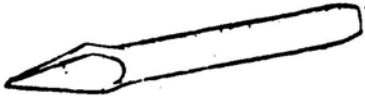
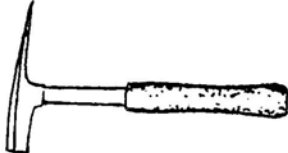
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
81. Xẻng đầu vuông	02-05-XĐV	Để xúc chuyên vữa xây trát, vôi tôi, cát và vữa bê tông	
82. Xẻng lá đề	02-05-XLĐ	Để xúc, chuyển đất, cát, sỏi và đá dăm	
83. Xẻng rải vữa	02-05-XRV	Để xúc, san vữa khi xây khối lớn	

Nhóm búa 02 - 06

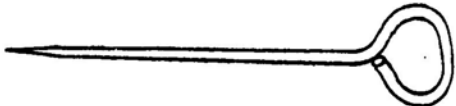
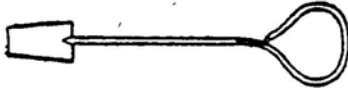

84. Búa chặt gạch	02-06-BCG	Để chặt gạch đá, đập, gõ sửa khi xây	
85. Búa ốp lát	02-06-BOL	Để gõ chỉnh phẳng mặt gạch khi ốp lát	
86. Búa rải	02-06BR	Để bầm mặt tường trước khi trát granitô	
87. Búa chữ V	02-06BCV	Để bầm sườn mặt bê tông trước khi trát	

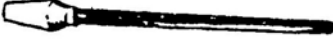
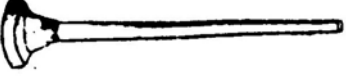
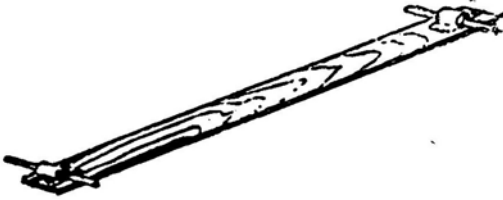

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
88. Búa quả đào	02-06-BQĐ	Để đánh đục, đập vỡ gạch bê tông	

Nhóm đục 02 - 07

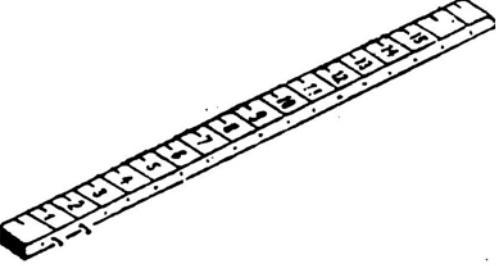

89. Đục mũi bằng	02-07-ĐMB	Để đục lỗ, tẩy sửa trên mặt gạch và bê tông	
90. Đục mũi nhọn	02-07-ĐMN	Để đục lỗ trên mặt gạch và bê tông	
91. Mò cò	02-07-MC	Để đục lỗ tám lợp	

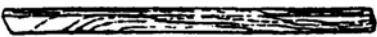


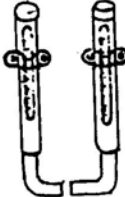

Nhóm đầm 02 - 08

92. Xọc mũi nhọn	02-08XMN	Để xọc bê tông trong khuôn hẹp	
93. Xọc mũi bằng	02-08XMB	Để đầm sát thành ván khuôn	
94. Vồ gỗ	02-08VG	Để đập vào thành ván khuôn khi đầm bê tông	

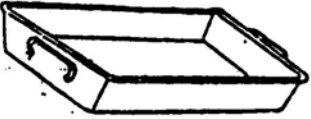

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
95. Đầm côn	02-08-ĐC	Để đầm trên mặt các cấu kiện có bề hẹp. như tường đầm	
96. Đầm mặt	02-08-ĐM	Để đầm trên mặt các cấu kiện có bề mặt rộng và đầm bê tông gạch vỡ	
97. Thước cán	02-08-TC	Để cán phẳng bề mặt các khối đúc bê tông có bề mặt rộng	
98. Thước láng	02-08-TL	Để là, láng nhẵn bề mặt các khối bê tông có bề mặt rộng	

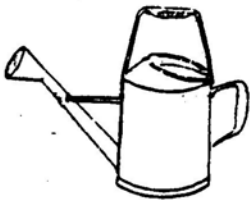
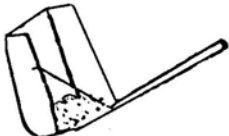

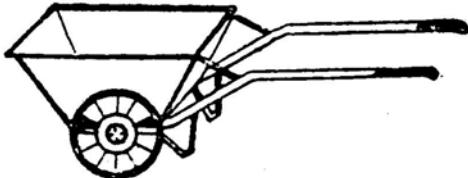
Nhóm đo chuẩn 02 - 09

99. Thước xây	02-09-TX	Để làm cỡ khi xây	
100. Thước tầm	02-09-TT	Để làm cỡ đo kiểm tra độ phẳng, thẳng khi xây trát, làm cỡ trát ở góc tường, sàn, gạt cát, vữa khi láng và lát nền	


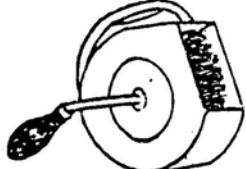
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
101.Thước hèm	02-09-TH	Để làm cữ trát hèm cửa	
102.Thước góc	02-09-TG	Để làm cữ đo kiểm tra độ vuông góc của hai mặt phẳng khi xây, trát, lát, láng.	
103. Nivô thước	02-09-NT	Để kiểm tra và lấy dấu các mức ngang bằng và thẳng đứng	
104.Nivô dây	02-09-ND	Để kiểm tra và lấy dấu các cốt ngang bằng ở khoảng cách xa	
105.Quả dọi	02-09-QD	Để xác định và kiểm tra các đường thẳng đứng trong xây dựng	


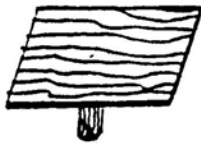
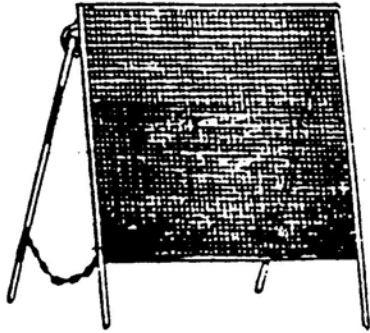
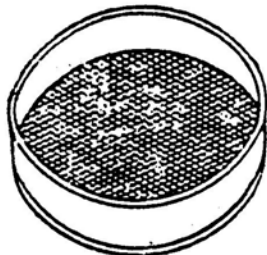
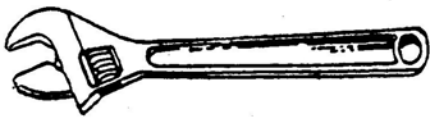
Nhóm chứa đựng, vận chuyển 02 - 10

106.Hộc đựng vữa	02-10-HĐV	Để đựng vữa khi xây trát	
107. Xô	02-10-X	Để chứa đựng và vận chuyển nước, vôi, vữa xây, vữa bê tông, cát và sỏi	

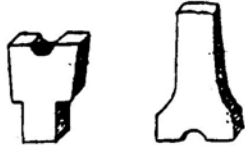
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
108.Thùng tưới nước	02-10-TTN	Để tưới nước khi bảo dưỡng bê tông	
109.Gầu múc vôi	02-10-GMV	Để lấy vôi tôi dưới hồ sâu	
110.Xe một bánh	02-10-XMB	Để vận chuyển các loại vật liệu trong xây dựng	
111.Xe hai bánh	02-10-XHB	Để vận chuyển các loại vật liệu trong xây dựng	

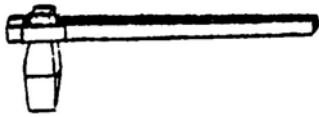

Nhóm dụng cụ khác 02 - 11

112.Trục lăn nhám	02-11-TLN	Để in lỗ tạo nhám trên mặt sàn, nền láng xi măng	
113.Hộp quay vữa	02-11-HQV	Để bật vữa khi trát nhám tường	

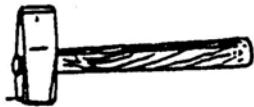

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
114.Xẻng bê vữa	02-11-XBV	Đề bê vữa khi trát tường, tại vị trí sát sàn, hèm cửa	
115.Bàn bê vữa	02-11-BBV	Đề bê vữa khi trát trần nhà	
116.Sàng cát	02-11-SC	Đề sàng cát sỏi	
117.Rây cát	02-11-RC	Đề sàng lấy cát nhỏ, mịn dùng trong trang trí.	
118.Mô lét	02-11-ML	Đề vận đai ốc	

CÓT THÉP 03
Nhóm đục, cắt 03 - 01

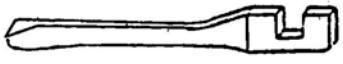

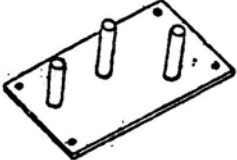
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
119.Xấn	03-01-Xn	Đề chặt thép sợi đường kính các loại	

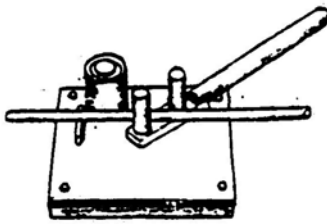
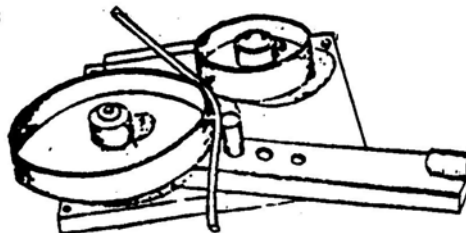
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
120.Chạm	03-01-Cm	Để chặt thép sợi, tấm thép, thép thanh	
121.Đục mũi bằng	03-01-ĐMB	Để chặt thép sợi, tôn mỏng	

Nhóm buá 03 - 02

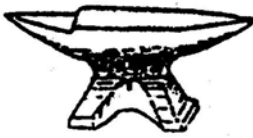

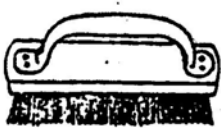
122.Búa rền	03-02-BR	Để đánh đục, đập phá trong xây dựng	
123.Búa tạ	03-02-BT	Để đánh đục, chạm, xấn và đập phá	

Nhóm uốn nắn 03 - 03

124.Vam môm	03-03-VM	Để uốn, nắn thẳng thép thanh	
125.Vam khuy	03-03-VK	Để uốn, nắn thẳng thép sợi	
126.Bàn nắn thép	03-03-BNT	Để kết hợp với vam môm nắn thẳng thép thanh	

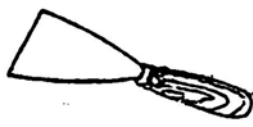
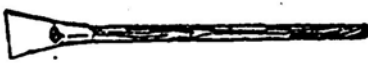
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
127.Vam uốn thép sợi	03-03-VUTS	Để uốn cốt thép đường kính bé, cùng một lúc uốn một số sợi	
128.Vam uốn thép thanh	03-03-VUTT	Để uốn cốt thép đường kính lớn	

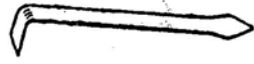
Nhóm dụng cụ khác 03 - 04

129.Đe thuyên	03-04-ĐT	Để kê cho đục, trạm, xấn, đánh thẳng thép, chặt thép	
130.Móc buộc	03-04-MB	Để buộc cốt thép	
131.Bàn chải sắt	03-04-BCS	Để đánh gỉ cốt thép, cạo tẩy lớp vôi, sơn, cạo tẩy sạch bề mặt tường	

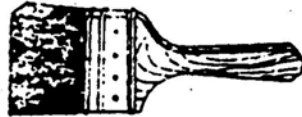

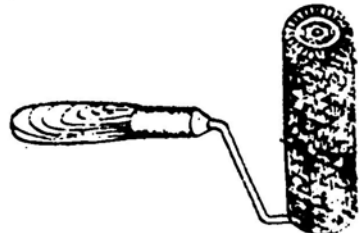
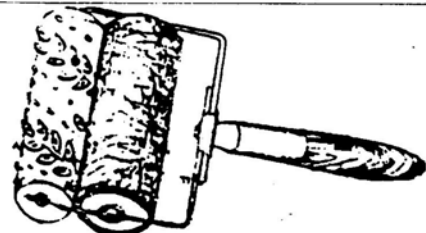

QUÉT VÔI, SƠN 04

Nhóm dao cạo 04 - 01


Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
132.Dao cạo hình bay	04-01-DCHB	Để cạo lớp vôi, sơn cũ ở cự ly thao tác gần	
133.Dao cạo hình thuổng	04-01-DCHT	Để cạo lớp vôi, sơn cũ ở cự ly thao tác xa	



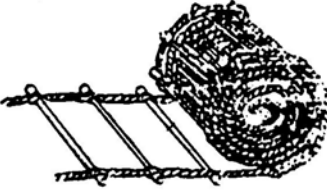
Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
134. Dao cạo hình mác	04-01-DCHM	Đề cạo lớp vôi, sơn cũ ở những chỗ hẹp và sâu	

Nhóm quét vôi, sơn 04 - 02




135. Chổi sơn	04-02-CS	Đề quét sơn trên bề mặt rộng	
136. Bút sơn	04-02-BS	Đề quét sơn trên bề mặt hẹp và kẻ đường nét hoa văn trang trí	
137. Trục lăn vôi, sơn	04-02-TLV	Đề lăn vôi và sơn trên tường, trần nhà có diện tích rộng, yêu cầu mỹ thuật cao	
138. Trục lăn in hoa	04-02-TLIH	Đề in các loại hoa trang trí trên tường và trần nhà	
139. Chổi	04-02-C	Đề quét vôi trên tường, trần nhà, quét thấm nước trước khi trát, xoa vữa và quét nước xi măng bảo vệ	

Nhóm thang, ghế 04-03

140. Ghế dáo	04-03-GD	Đề đứng quét vôi, sơn và làm các công việc khác	
--------------	----------	---	---

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
141.Thang gấp	04-03-TG	Để đứng quét vôi, sơn và làm các công việc khác	
142.Thang tựa	04-03-TT	Để đứng quét vôi, sơn và làm các công việc khác	
143.Thang dây	04-03-TD	Để đứng quét vôi, sơn ở độ cao lớn hơn	

Nhóm dụng cụ khác 04 - 04

Tên gọi	Kí hiệu	Công dụng	Hình dáng
144.Gáo múc nước vôi	04-04-GMNV	Để múc và khuấy nước vôi	
145. Lon chứa vôi hoặc sơn	04-04-LCVS	Để đựng nước vôi hoặc sơn đã lọc khi quét vôi hoặc sơn	
146.Lưới lọc	04-04-LL	Để lọc cặn nước vôi	
147.Thùng nước vôi	04-04-TNV	Để chứa nước vôi lọc	